

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMBT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện					KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố					
											Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
*	Tổng cộng (A+B)	1	27	3	31			14,489,312	18,815,524	17,223,838	1,591,686	7,173,070	2,637,070	5,237,817	3,680,070	1,557,747	6,751,734	6,745,334	30,221				
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư		23	3	26			4,266,148	8,937,979	7,346,293	1,591,686	2,637,070	2,637,070	5,087,817	3,530,070	1,557,747	3,043,718	3,037,318	30,221				
A.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố		18	1	19			3,473,918	5,732,686	5,732,686		2,337,070	2,337,070	2,927,070	2,927,070		2,172,122	2,172,122					
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo		1		1			340,900	394,838	394,838		305,000	305,000	305,000	305,000		50,000	50,000					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											3,857,305	2,054,850										
1	Xây dựng Trường chuyên biệt cho trẻ khuyết tật Thành phố Hà Nội (cụm trường Tiểu học Bình Minh và Phổ thông cơ sở Xã Đàn)		1		1	2023-2026	Tiểu học: 30 lớp và 1.050 học sinh, PTCS: 45 lớp và 1.170 học sinh	340,900	394,838	394,838		305,000	305,000	305,000	305,000		50,000	50,000		Ban QLDA ĐTXD CT dân dụng TP	BC số 628/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	458/TTr-UBND 18/11/2023	
II	Lĩnh vực y tế		1		1			299,759	263,555	263,555		270,000	270,000	200,000	200,000		40,000	40,000					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											7,754,100	1,270,000										
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức		1		1	2024-2026	cải tạo, nâng cấp thành 230 giường bệnh	299,759	263,555	263,555		270,000	270,000	200,000	200,000		40,000	40,000		UBND huyện Mỹ Đức	BC số 652/BC-KH&ĐT ngày 09/11/2023		
III	Lĩnh vực kinh tế nông thôn		1		1			200,000	250,000	250,000		89,000	89,000	89,000	89,000		130,000	130,000					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											209,000	89,000										
1	Đầu tư phát triển hạ tầng lâm nghiệp phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội		1		1	2023-2027	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng lâm nghiệp gồm đường lâm nghiệp, bể chứa nước, đường ranh cản lửa,... và mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ rừng và PCCC rừng	200,000	250,000	250,000		89,000	89,000	89,000	89,000		130,000	130,000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	650/BC-KH&ĐT ngày 09/11/2023	454/TTr-UBND 17/11/2023	
IV	Lĩnh vực giao thông		7		7			975,000	3,117,020	3,117,020		400,000	400,000	1,060,000	1,060,000		1,741,470	1,741,470					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											127,617,502	5,750,500										
1	Xây dựng hầm chui tại nút giao Cổ Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội		1		1	2024-2026		975,000	968,000	968,000		400,000	400,000	400,000	400,000		428,750	428,750		Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông TP	BC số 637/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	421/TTr-UBND ngày 10/11/2023	
2	Dự án Xây dựng đường giao thông từ đường TL 423 đi qua dự án Xây dựng Trung đoàn 692 đến Chùa Thông xã An Thượng		1		1	2023-2026	L=0,86Km; B=24m		114,965	114,965				80,000	80,000		17,720	17,720		UBND huyện Hoài Đức	BC số 635/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	425/TTr-UBND ngày 13/11/2023	
3	Dự án đường trục nối từ đường tỉnh lộ 424 đến đường trục phát triển thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức		1		1	2023-2025	L=1,7km; B=20m		110,628	110,628				90,000	90,000					UBND huyện Mỹ Đức	103/BC-KH&ĐT ngày 16/3/2022; 5903/KH&ĐT-KTN ngày 09/11/2023	80/TTr-UBND ngày 01/4/2022	
4	Dự án cầu Lê Thanh vượt sông Đáy qua huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa và đường giao thông hai bên cầu, huyện Mỹ Đức		1		1	2024-2026	Cầu vượt và đường dẫn hai đầu cầu khoản L=2,359Km		460,402	460,402				140,000	140,000		280,000	280,000		UBND huyện Mỹ Đức	598/BC-KH&ĐT ngày 28/10/2022; 5903/KH&ĐT-KTN ngày 09/11/2023	381/TTr-UBND ngày 11/11/2022	

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMDT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C					Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						
														Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
5	Dự án xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 21 (tuyến tránh quốc lộ 32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì		1		1	2024-2026	L=4,9Km, B=14m		536,105	536,105				150,000	150,000		350,000	350,000		UBND thị xã Sơn Tây	573/BC-KH&ĐT ngày 21/10/2022; 5903/KH&ĐT-KTN ngày 09/11/2023	368/TTr-UBND ngày 03/11/2022	
6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 446 (đoạn Km0+00 – Km10+800) huyện Thạch Thất		1		1	2023-2027	L=10,8 Km, B=7,5-21m		688,841	688,841				130,000	130,000		520,000	520,000		UBND huyện Thạch Thất	278/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022; 5119/KH&ĐT-KTN ngày 26/10/2022; 5903/KH&ĐT-KTN ngày 09/11/2023	377/TTr-UBND ngày 10/11/2022	
7	Dự án Hạ tầng ngoài CNC Hòa Lạc (đường từ đường TL420 – Đường E công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất)		1		1	2023-2026	L=1,45km; B=20,5m		238,079	238,079				70,000	70,000		145,000	145,000		UBND huyện Thạch Thất	288/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022; 5118/KH&ĐT-KTN ngày 26/10/2022; 5903/KH&ĐT-KTN ngày 09/11/2023	378/TTr-UBND ngày 10/11/2022	
V	Lĩnh vực HTKT Tái định cư		8	1	9			1,658,259	1,707,273	1,707,273		1,273,070	1,273,070	1,273,070	1,273,070		210,652	210,652					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											3,793,000	1,875,200										
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư ven đường truyền thông, thôn An Khoái, xã Phúc Tiến huyện Phú Xuyên		1		1	2024-2025	Khu đất 7,47 ha; GPMB, san nền, kè, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	218,800	213,092	213,092		200,000	200,000	200,000	200,000					UBND huyện Phú Xuyên	BC số 569/BC-KH&ĐT ngày 20/10/2023	404/TTr-UBND ngày 03/11/2023	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai		1		1	2024-2026	Khu đất 49.894ha; GPMB, san nền, kè, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	148,000	148,483	148,483		131,200	131,200	131,200	131,200		17,283	17,283		UBND huyện Quốc Oai	BC số 616/BC-KH&ĐT ngày 06/11/2023	438/TTr-UBND ngày 15/11/2023	
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thị trấn huyện Quốc Oai		1		1	2024-2026	Khu đất 6,47ha; GPMB, san nền, kè, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	322,846	229,699	229,699		200,260	200,260	200,260	200,260		25,023	25,023		UBND huyện Quốc Oai	BC số 621/BC-KH&ĐT ngày 06/11/2023	442/TTr-UBND ngày 16/11/2023	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bãi Đĩnh (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức			1	1	2024-2025	Khu đất 0,95ha; GPMB, san nền, kè, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	30,000	29,236	29,236		26,000	26,000	26,000	26,000					UBND huyện Ứng Hòa	BC số 639/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	436/TTr-UBND ngày 14/11/2023	
5	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại huyện Mỹ Đức phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bãi Đĩnh (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa		1		1	2023-2026	Khu đất 2,5ha; GPMB, san nền, kè, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	76,900	76,900	76,900		60,000	60,000	60,000	60,000		5,365	5,365		UBND huyện Mỹ Đức	BC số 642/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	434/TTr-UBND ngày 14/11/2023	
6	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh		1		1	2024-2027	Khu đất 16,39ha; GPMB, san nền, kè, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	274,631	361,745	361,745		245,120	245,120	245,120	245,120		65,981	65,981		UBND huyện Đông Anh	BC số 640/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	439/TTr-UBND ngày 15/11/2023	

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMDT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện					KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố					
											Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện							
7	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21 B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa và Dự án nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phía Nam), huyện Ứng Hòa		1		1	2024-2026	Khu đất 3ha; GPMB, san nền, kê, giao thông nội bộ, cây xanh, chiếu sáng, cấp, thoát nước,...	85,000	85,957	85,957		60,000	60,000	60,000	60,000		12,000	12,000		UBND huyện Ứng Hòa	BC số 638/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	435/TTr-UBND ngày 14/11/2023	
8	Xây dựng 05 hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300, huyện Thường Tín		1		1	2024-2026	13,22 ha	371,000	431,079	431,079		253,000	253,000	253,000	253,000		75,000	75,000		UBND huyện Thường Tín	BC số 630/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	430/TTr-UBND ngày 14/11/2023	
9	Dự án Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ công tác GPMB các dự án: Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lăng); xây dựng đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn qua huyện Phú Xuyên; đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên		1		1	2024-2026	5,45ha	131,082	131,082	131,082		97,490	97,490	97,490	97,490		10,000	10,000		UBND huyện Phú Xuyên	BC số 631/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	431/TTr-UBND ngày 14/11/2023	
A.2	Các dự án sử dụng 02 nguồn vốn ngân sách (Thành phố và huyện)		4		4			792,230	2,921,954	1,613,607	1,308,347	300,000	300,000	1,911,347	603,000	1,308,347	865,196	865,196					
I	Lĩnh vực y tế		1		1			792,230	799,910	400,410	399,500	300,000	300,000	699,500	300,000	399,500	50,000	50,000					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											7,754,100	1,270,000										
1	Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức		1		1	2024-2026	xây mới bệnh viện 500 giường bệnh	792,230	799,910	400,410	399,500	300,000	300,000	699,500	300,000	399,500	50,000	50,000		UBND huyện Hoài Đức	BC số 651/BC-KH&ĐT ngày 09/11/2023	452/TTr-UBND ngày 17/11/2023	
II	Lĩnh vực giao thông		3		3				2,122,044	1,213,197	908,847			1,211,847	303,000	908,847	815,196	815,196					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											127,617,502	5,750,500										
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 3,5		1		1	2023-2026	L=4,0km; B=40m; Thi công đồng bộ hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật.		811,808	547,961	263,847			496,847	233,000	263,847	232,767	232,767		UBND quận Bắc Từ Liêm	201/BC-KH&ĐT ngày 29/4/2020; 1161/KH&ĐT-HT ngày 24/3/2022; số 5895/KHĐT-HT ngày 08/11/2023	63/TTr-UBND ngày 30/3/2022 và VB số 3828/UBND-KHĐT ngày 10/11/2023	Ngân sách quận Bắc Từ Liêm 263,847 tỷ đồng
2	Xây dựng tuyến đường từ đường Tây Thăng Long đến đường từ Đại học Mỏ địa chất đi đường Phạm Văn Đồng		1		1	2023-2026	L=1km; B=30m; Thi công đồng bộ hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật.		217,429	102,429	115,000			185,000	70,000	115,000	32,429	32,429		UBND quận Bắc Từ Liêm	190/BC-KH&ĐT ngày 17/4/2020; 1161/KH&ĐT-HT ngày 24/3/2022; số 5895/KHĐT-HT ngày 08/11/2023	64/TTr-UBND ngày 30/3/2022 và VB số 3828/UBND-KHĐT ngày 10/11/2023	Ngân sách quận Bắc Từ Liêm 115 tỷ đồng
3	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín - đoạn từ nút giao đường vành đai 4 đến đường tỉnh 429 - Giai đoạn 2 (đoạn từ tỉnh lộ 427 đến tỉnh lộ 429)		1		1	2023-2027	Xây dựng mới tuyến đường có chiều dài L=8,313km; Bnền=40m		1,092,807	562,807	530,000			530,000		530,000	550,000	550,000		UBND huyện Thường Tín	BC số 632/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	429/TTr-UBND ngày 10/11/2023	Giai đoạn 2021-2025 sử dụng ngân sách huyện Thường Tín 530 tỷ đồng
A.3	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Huyện		1	2	3				283,339		283,339			249,400		249,400	6,400		30,221				
I	Lĩnh vực văn hóa			1	1				32,518		32,518			22,400		22,400	6,400		6,400				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mạch Trảng tại khu di tích Thành Cổ Loa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh			1	1	2024-2026	Tu bổ Đại Đình và các hạng mục phụ trợ		32,518		32,518			22,400		22,400	6,400		6,400	UBND huyện Đông Anh	532/BC-KH&ĐT 04/10/2023	400/TTr-UBND ngày 30/10/2023	
II	Lĩnh vực giao thông		1	1	2				250,821		250,821			227,000		227,000			23,821				

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMDT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C					Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030				Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố	
														Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trang trí trên địa bàn quận Long Biên			1	1	2023-2024	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trang trí trên các tuyến đường, nút giao thông trên địa bàn quận Long Biên		27,000		27,000			27,000		27,000				UBND quận Long Biên	BC số 634/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	419/TTr-UBND ngày 10/11/2023	
2	Cải tạo hệ thống thoát nước và chỉnh trang hai bên tuyến đường quốc lộ 32 và tỉnh lộ 418 đoạn khu trung tâm huyện Phúc Thọ		1		1	2024-2026	chỉnh trang, nâng cấp rãnh ghè, vỉa hè, hào, tuyenel kỹ thuật hạ ngầm các đường dây điện và thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước, hệ thống cây xanh.... trên		223,821		223,821			200,000		200,000		23,821		UBND huyện Phúc Thọ	BC số 641/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	432/TTr-UBND ngày 14/11/2023	
B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	1	4		5			10,223,164	9,877,545	9,877,545			4,536,000	150,000	150,000		3,708,016	3,708,016					
B.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	1	4		5			10,223,164	9,877,545	9,877,545			4,536,000	150,000	150,000		3,708,016	3,708,016					
I	Lĩnh vực giao thông	1	4		5			10,223,164	9,877,545	9,877,545			4,536,000	150,000	150,000		3,708,016	3,708,016					
*	Trung hạn cấp Thành phố của lĩnh vực											127,617,502	5,750,500										
1	Xây dựng tuyến đường từ nút giao đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai – Vĩnh Tuy - Yên Duyên		1		1	2024-2027	L=718,94m; B=30m	462,966	548,774	548,774		200,000					266,458	266,458		UBND quận Hoàng Mai	BC số 636/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	426/TTr-UBND 13/11/2023	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu		1		1	2023-2027	L=5,22km; B cầu = 33m; đường 2 đầu cầu 50-60m	8,298,117	8,298,117	8,298,117		3,750,000					3,303,399	3,303,399			09/BC-HĐTĐ ngày 13/11/2023		
2.1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Đông Anh						12,25 ha		522,393	522,393		522,393								UBND huyện Đông Anh			
2.2	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm						8,33ha		404,338	404,338		404,338								UBND quận Bắc Từ Liêm			
2.3	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu						L=5,22km; B cầu = 33m; đường 2 đầu cầu 50-60m		7,371,386	7,371,386		2,823,269					3,303,399	3,303,399		Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông TP			
3	Xây dựng tuyến đường vào cảng Khuyến Lương		1		1	2024-2026	L=450m	918,621	397,834	397,834		200,000					138,159	138,159		Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông TP	BC số 633/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	420/TTr-UBND 10/11/2023	
4	Xây dựng đường từ tỉnh lộ 419 đi tỉnh lộ 425 (thuộc quần thể khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn với khu du lịch Tam Chúc - Khả Phong tỉnh Hà Nam), huyện Mỹ Đức		1		1	2021-2025	L=5,3Km, B=18m	288,000	355,560	355,560		210,000		130,000	130,000					UBND huyện Mỹ Đức	BC số 645/BC-KH&ĐT ngày 08/11/2023	433/TTr-UBND 14/11/2023	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL 412 (đoạn từ thị trấn Tây Đằng đi Suối Hai), huyện Ba Vì		1		1	2019-2024	5730m	255,460	277,260	277,260		176,000		20,000	20,000					UBND huyện Ba Vì	BC số 501/BC-KH&ĐT ngày 07/9/2023	359/TTr-UBND 19/9/2023	